TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Mạc Hoàng Nhủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Bé H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:

Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Kiều O – Phó giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phú Tân (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N và Quyết định ủy quyền số 116/QĐ-NHNoPT ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Phú Tân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà Trương Bé H trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành Đ kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/8/2004. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, thường hay cự cải, ông Đ thường xuyên có hành vi bạo lực, xúc phạm và đánh đập bà, bà và ông Đ đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành Đ.

Về con chung : Bà và ông Nguyễn Thành Đ có hai người con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 24/8/1998 và Nguyễn Như A, sinh ngày 24/12/2000, hiện nay hai người con đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Thành Đ có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phú Tân số tiền nợ gốc là 952.000.000 đồng có thế chấp 02 phần đất tại ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau diện tích 21.810 m^2 và 9.072 m^2 và còn nợ lãi suất tính đến ngày 28/9/2023 là 89.617.742 đồng, đối với khoảng nợ trên ngân hàng đã khởi kiện, nay bà đồng ý chia đôi nợ với ông Nguyễn Thành Đ để trả nợ cho ngân hàng. Nếu không trả được nợ cho ngân hàng thì đồng ý đưa tài sản của bà và ông Nguyễn Thành Đ đã thế chấp ra phát mãi để trả nợ cho ngân hàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2023 ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Trương Bé H về thời gian ông và bà Trương Bé H chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn không đúng như bà Trương Bé H trình bày, ông không đánh đập bà Trương Bé H, vợ chồng có cự cải lúc nóng giận, ông và bà Trương Bé H không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm

2022 đến nay đúng như bà H trình bày. Nay ông muốn hàn gắn và không đồng ý ly hôn với bà Trương Bé H.

Về con chung: Đúng như bà H trình bày, hiện hai người con đã trưởng thành tự lao động sinh sống, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Trương Bé H có nợ Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phú Tân số tiền nợ gốc khoảng 952.000.000 đồng có thế chấp 02 phần đất diện tích 21.810 m^2 và 9.072 m^2 tại ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và lãi suất, nay đối với phần nợ trên ông yêu cầu chia đôi với bà Trương Bé H để trả cho ngân hàng.

Bà Trần Kiều O trình bày: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H có ký nhận tiền vay tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện Phú Tân theo hợp đồng tín dụng số 7508LAV2022 04023 ký ngày 20/10/2022 với số tiền 652.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 7508LAV202204030 ký ngày 20/10/2022 với số tiền là 300.000.000 đồng, hai hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 22/3/2018, phụ lục hợp đồng thế chấp ký ngày 20/3/2020 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 11/11/2021 do ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H ký thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 905345, T 905346 với tổng diện tích 30.882 m^2 do ông Nguyễn Thành Đ đứng tên. Tính đến ngày 27/6/2023 còn nợ Ngân hàng N (gọi tắt là ngân hàng) là 1.014.563.900 đồng, trong đó nợ gốc là 952.000.000 đồng và lãi là 62.563.900 đồng. Do ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H yêu cầu chia đôi nợ khi ly hôn, do đó ngân hàng gửi yêu cầu thu hồi nợ trước hạn do khách hàng đã vi phạm điều 6 trong hợp đồng tín dụng đã ký, nhưng ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H vẫn không trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 1.014.563.900 đồng. Tại phiên tòa ngân hàng bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 1.041.617.742 đồng, trong đó nợ gốc là 952.000.000 đồng, lãi là 89.617.742 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ. Đồng thời, yêu cầu đưa tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H ra xử lý để thu hồi nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho ông Nguyễn Thành Đ ly hôn bà Trương Bé H. Về con chung, đều đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H trả số tiền nợ vay và lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 1.041.617.742 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Bé H khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về nợ chung nên đây là quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn ông Nguyễn Thành Đ cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thành Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trương Bé H yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Thành Đ không đồng ý ly hôn với bà Trương Bé H. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đã xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2022 đến nay mà không thể hàn gắn và đoàn tụ, bà Trương Bé H cho rằng ông Nguyễn Thành Đ thường xuyên có hành vi bạo lực và đánh đập bà nên bà không thể tiếp tục chung sống với ông Nguyễn Thành Đ. Từ khi không còn chung sống với nhau như vợ chồng đến nay, ông Đ cũng không đến gặp bà để hàn gắn và hòa giải. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Từ đó, chấp nhận cho bà Trương Bé H ly hôn ông Nguyễn Thành Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ xác định có hai người con chung nhưng đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2023 là 1.041.617.742 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ. Đồng thời, yêu cầu đưa tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H ra xử lý để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H thừa nhận có vay số tiền 952.000.000 đồng, khi vay có thế chấp hai giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Thành Đ. Xét thấy, ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H có yêu cầu chia đôi nợ để trả cho Ngân hàng khi ly hôn nên Ngân hàng có thông báo thu hồi nợ trước hạn, nhưng ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H không thực hiện nên đã vi phạm Điều 6 hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đồng ý chia đôi số nợ để trả cho ngân hàng, từ đó có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N, buộc bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ liên đới nghĩa vụ trả số nợ trên cho ngân hàng là có căn cứ.

[6.1] Đối với yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H trả lãi phát sinh sau ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến khi trả hết nợ gốc: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng cho vay giữa các bên đã ký kết. Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao thì ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[6.2] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 905346 và T 905345 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 06/02/2002 cho ông Nguyễn Thành Đ đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 18.17.PT.0015/HĐTC ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thành Đ đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 26 tháng 3 năm 2018, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/3/2020, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/11/2021 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P nên hợp đồng thế chấp giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H với Ngân hàng là hợp pháp và phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Tại hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận trong trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản mà ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đã thế chấp để thu hồi nợ. Tòa án đã xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp. Do đó, trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trương Bé H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; áp dụng Điều 91 và Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Bé H ly hôn ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về nợ chung:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H liên đới nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền vay và lãi tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2023 là 1.041.617.742 (một tỷ, không trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm bốn mươi hai) đồng (Trong đó, bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ mỗi người có nghĩa vụ trả 520.808.871 đồng cho ngân hàng).

Kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H không trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H đã thế chấp để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Trương Bé H chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018646 ngày 21 tháng 02 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Trương Bé H không còn phải nộp thêm.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Bé H phải chịu 43.248.532 đồng (trong đó, bà Trương Bé H và ông Nguyễn Thành Đ mỗi người phải chịu là 21.624.266 đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí 21.218.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019053 ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ngân hàng được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Vẹn